



## 1. Mục đích

Tài liệu này nhằm giúp các PTN xin công nhận xác định mức chi chi phí cần thiết trong quá trình xin công nhận.

## 2. Phạm vi

Tài liệu này được áp dụng tại Văn phòng Công nhận chất lượng và các phòng thí nghiệm xin công nhận.

## 3. Nội dung

Bảng danh mục chi phí VILAS áp dụng cho việc công nhận 8 lĩnh vực thử nghiệm và hiệu chuẩn sau đây:

1. Lĩnh vực thử nghiệm Cơ.
2. Lĩnh vực thử nghiệm Điện
3. Lĩnh vực thử nghiệm Hoá
4. Lĩnh vực thử nghiệm Sinh học
5. Lĩnh vực thử nghiệm Vật liệu xây dựng
6. Lĩnh vực thử nghiệm không phá huỷ
7. Lĩnh vực Đo lường và Hiệu chuẩn
8. Lĩnh vực thử nghiệm dược phẩm

## 4. Chi phí công nhận

### 4.1 Chi phí đánh giá công nhận lần đầu:

- Chi phí nộp đơn: chi phí nộp đơn áp dụng cho lần xin công nhận đầu tiên và xin công nhận lại của PTN. Chi phí nộp đơn sẽ không được hoàn lại nếu sau 6 tháng kể từ lúc nộp đơn nhưng cơ sở không đủ điều kiện để đánh giá. Muốn được đánh giá, PTN phải nộp lại chi phí nộp đơn.
- Chi phí đánh giá công nhận bao gồm:

#### *a. Chi phí chuẩn bị đánh giá*

Chi phí chuẩn bị đánh giá bao gồm : chi chi phí xem xét tài liệu là chi phí cho hoạt động xem xét hệ thống tài liệu bao gồm Sổ tay chất lượng, Hệ thống thủ tục và Hướng dẫn thao tác, chi phí chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu cho các CGĐG và chi phí cho cuộc họp của đoàn CGĐG chuẩn bị cho cuộc đánh giá.

*b. Chi phí đánh giá tại chỗ*

Chi phí cho đánh giá tại chỗ phụ thuộc vào số lượng CGĐG và thời gian tiến hành đánh giá. Số CGĐG thực hiện việc đánh giá PTN tùy thuộc vào phạm vi và quy mô của PTN và số lượng phép thử mà PTN xin công nhận. Chi phí thuê khoán CGĐG được trả theo ngày đánh giá theo qui định của VPCNCL. Trường hợp thuê CGĐG nước ngoài chi phí thuê khoán do thoả thuận giữa VPCNCL và CGĐG đó.

*c. Chi phí thẩm xét hồ sơ đánh giá và duy trì hoạt động công nhận*

Chi phí thẩm xét hồ sơ đánh giá là chi phí cho việc thẩm xét và thiết lập hồ sơ đánh giá, hoàn chỉnh hồ sơ theo thủ tục quy định để trình Ban thẩm xét Công nhận và VPCNCL.

Chi phí duy trì hoạt động công nhận là chi phí dùng cho việc ban hành các quyết định công nhận, dấu VILAS và các hoạt động liên quan đến việc duy trì công nhận.

**4.2 Chi phí đánh giá giám sát:**

Trong chu kỳ công nhận 3 năm, PTN sẽ phải chịu 2 cuộc đánh giá giám sát mỗi năm 1 lần. Chi phí đánh giá giám sát để sử dụng cho việc giám sát định kỳ hàng năm đối với PTN được công nhận và được thực hiện sau một năm được công nhận.

**4.3 Chi phí đánh giá lại:**

Chi phí đánh giá lại cho các PTN đã được công nhận sẽ tính bằng 70% chi phí đánh giá công nhận ban đầu.

**5. Các chi phí khác:**

**5.1 Chi phí đánh giá sơ bộ (nếu có):**

Chi phí đánh giá sơ bộ chỉ áp dụng cho các PTN có yêu cầu, được thực hiện trước cuộc đánh giá chính thức.

Chi phí đánh giá sơ bộ là chi phí chi cho việc xem xét tài liệu, Hệ thống chất lượng, các điều kiện liên quan khác của PTN xin công nhận. Việc xem xét ban đầu sẽ được thực hiện bởi cán bộ của VILAS, trong nhiều trường hợp là cuộc đánh giá sơ bộ PTN.

**5.2 Chi phí đánh giá mở rộng:**

Khi các PTN đã được công nhận có yêu cầu mở rộng phạm vi xin công nhận sẽ phải nộp một khoản chi phí, đó là chi phí đánh giá mở rộng

**5.3 Chi phí đánh giá bổ sung ( follow up visit)**

Khi PTN đã tiến hành đánh giá công nhận nhưng đoàn CGĐG yêu cầu cần có thêm 1 cuộc đánh giá bổ sung cho PTN, trong trường hợp này PTN phải chịu toàn bộ chi phí cho cuộc đánh giá bổ sung này.

Việc tính chi phí cụ thể được căn cứ vào Bảng tính chi phí sau:

**BẢNG TÍNH CHI PHÍ**

TT	Hạng mục	Đơn giá (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
1.	Chi phí nộp đơn	500.000		<b>500.000</b>
2.	Chi phí đánh giá sơ bộ ( nếu có)	5.000.000	1 ngày	<b>5.000.000</b>
3.	Chi phí đánh giá công nhận	15.000.000	1 lĩnh vực/ 10 pt	<b>15.000.000</b>
4.	Chi phí đánh giá công nhận cho lĩnh vực thứ hai trở đi	10.000.000	1lĩnh vực/10pt	<b>10.000.000</b>
5.	Chi phí đánh giá cho phép thử thứ 11 trở đi	100.000	1phép thử	<b>100.000</b>
6.	Chi phí đánh giá mở rộng	3.000.000	1 lĩnh vực/10 pt	<b>3.000.000</b>
7.	Chi phí đánh giá mở rộng thêm lĩnh vực mới	10.000.000	1lĩnh vực/ 10pt	<b>10.000.000</b>
8.	Chi phí đánh giá follow up	3.000.000		<b>3.000.000</b>
9.	Chi phí đánh giá giám sát	5.000.000	1 CG/1 ngày	<b>5.000.000</b>
10.	Chi phí đánh giá đo lường *	3.000.000	1 lĩnh vực đánh giá đo lường	<b>3.000.000</b>
11.	Chi phí đánh giá lại	70%x15.000.000	1 lĩnh vực/10pt	<b>10.500.000</b>
12.	Chi phí đi lại, ăn ở cho đoàn CGĐG			Tính theo chi phí thực tế

**Ghi chú:**

- ❖ Trường hợp PTN xin công nhận ở 1 lĩnh vực, nhưng do yêu cầu kỹ thuật của các chỉ tiêu xin công nhận, qui mô của PTN đòi hỏi cơ quan công nhận phải cử hơn 01 chuyên gia đánh giá kỹ thuật, chi phí đánh giá tại chỗ sẽ cộng thêm tiền thuê chuyên gia kỹ thuật tăng thêm. Ngoài ra trong trường hợp qui mô của PTN bao gồm từ 3 phòng trở lên yêu cầu PTN phải trả thêm chi phí cho ngày tăng thêm là 3.000.000 đ/ 1ngày đối với đánh giá giám sát .
- ❖ Chi phí đánh giá đo lường chỉ áp dụng cho các phòng đo lường hiệu chuẩn

- ❖ Chi phí trên chưa bao gồm thuế VAT (10%) Ngoài các chi phí trên PTN xin công nhận còn phải trả chi phí đi lại và lưu trú cho đoàn CGĐG trong thời gian đánh giá tại chỗ. Chi phí sẽ được xác định trong từng trường hợp cụ thể và sẽ được thông báo cho PTN trước khi đánh giá.